

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15/ 4/ 2022
V/v: "Ly hôn-Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bạc Thị Kiên
2. Ông Nguyễn Quang Khải

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 15/4/2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXX-ST ngày 08/03/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 21 ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Cà Thị H - Sinh năm 1992.(có mặt).
Trú tại: Bản Yên, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. **Bị đơn:** Anh Hoàng Xuân T - Sinh năm 1992. Hộ khẩu thường trú: Bản Yên, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.(Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/12/2021 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, Chị Cà Thị H(nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh T tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Điện Biên P vào ngày 18/3/2015 hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc từ ngày cưới đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng chí hướng không có tiếng nói chung. Nguyên nhân nữa làm cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn là từ khi tôi phát hiện ra anh Tùng bị nghiện ma túy đầu năm 2020. Tôi và gia đình đã cho anh Tùng tự cai tại nhà nhưng không cai được. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay.

Tôi xét tình cảm không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn.

2. Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 1 con chung là: Hoàng Nhật M, sinh ngày 26/4/2015 sau khi ly hôn chị Huyền xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; và diện tích ruộng nương: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ phải trả; Nợ lấy về: Không có.

Ngày 15/12/2021, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị H cho anh T biết. Giao thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh T. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, anh T không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án án hợp lệ cho anh T. Nhưng anh T vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 08/3/2022 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên Tòa và tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Hoàng Xuân T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Cà Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

- Anh T đã được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn và nguyên đơn có địa chỉ tại bản Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177 BLTTDS, việc anh Tùng không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh Tùng đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Xuân T và chị Cà Thị H tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị H và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã S xác nhận cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T và chị H tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và một nguyên nhân chính là anh T có sử dụng chất ma túy nên gia đình đã cho anh T cai nghiện tại nhà nhưng anh T vẫn không cai được dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã ly thân

từ tháng 5/2021 cho đến nay. Bản thân chị H xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị H và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân một năm nay, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị H cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Huyền xử cho ly hôn giữa chị Cà Thị H và anh Hoàng Xuân T.

[3] Về con chung: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là: Hoàng Nhật M, sinh ngày 26/4/2015.

Xét thấy hiện tại chị H mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu hiện còn nhỏ cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo xác nhận của UBND xã S, anh T bị nghiện chất ma túy, anh T đã được gia đình cho cai nghiện tại nhà nhưng hiện vẫn còn nghiện chất ma túy. Như vậy không đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị H. Giao con cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh T có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; diện tích ruộng, nương: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này. Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5; điểm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Cà Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Cà Thị H được ly hôn với anh Hoàng Xuân T
2. Về con chung: Chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng con chung cháu Hoàng Nhật M, sinh ngày 26/4/2015, cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu anh T không phải cấp d-ỡng nuôi con chung.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; diện tích ruộng, nương: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này. Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

4. Về án phí: Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Cà Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0004857 ngày 15/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THA huyện ĐB;
- Các đương sự;
- UBND phường Nam T;
- Lưu.

Bạc Thị Liên

Nơi nhận

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Quang Khải

Bạc Thị Liên

Bạc Thị Kiên

